

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày 18-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Lầy

Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Tâm - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 763/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Xuân T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1988 tại H. Nơi cư trú: Tổ Gò Công, phường P, quận K, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T và bà Vũ Thị Th; có vợ là Hoàng Thị H và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 6 năm 2021, bị tạm giam từ ngày 24/6/2021 tại Trại Tạm giam Công an thành phố H, có mặt.

Bị hại:

1. Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19-9-2004; đại diện hợp pháp cho bị hại Q là ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1973; cùng nơi cư trú: Số 40 Xóm Tr, phường Đằng G, Quận N, thành phố H, cả hai cùng vắng mặt.

2. Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 03-01-2005; đại diện hợp pháp cho bị hại Linh là bà Lê Thị Thanh Ph, sinh năm 1984; cùng nơi cư trú: Số 41/116 Nguyễn Bình Kh, phường Đằng Gi, Quận Ngô Q, thành phố H, cả hai cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 16/6/2021 Trần Xuân T đang đi lang thang tại khu vực đồi Thiên V, phường Nam S, quận K thì thấy Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19/9/2004, Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 03/01/2005, Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 14/11/2008 và Bùi Hải V, sinh ngày 10/5/2005 đang đứng chơi và chụp ảnh. T quan sát thấy trong nhóm có Q và L mỗi người đang cầm 01 điện thoại để chụp ảnh nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại nêu trên. T nhặt 02 gậy gỗ là đoạn cành cây khô, dài khoảng 60cm, đường kính khoảng 02cm kẹp vào nách bên trái giả vờ như người đang đi nhặt củi, đồng thời nếu khi chiếm đoạt tài sản mà bị hại chống lại thì dùng cành cây đó chống trả. Sau đó, Toàn đi đến trước mặt Q, dùng tay phải giật 01 điện thoại Iphone 6 màu xám của Q và tiếp tục tiến lên một bước, cúi người và dùng tay trái giật 01 điện thoại Iphone 7plus màu đen của L. Do L giằng lại nên Toàn đã đẩy L ngã và giật điện thoại. L đứng dậy định đuổi theo thì T giơ 02 gậy gỗ bằng cành cây lên hướng về phía nhóm của L đe dọa, không cho nhóm của L đến gần để chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại. Đối với 02 gậy gỗ bằng cành cây, T vứt tại đồi Th sau đó Toàn bỏ đi xuống lối cầu thang từ trên đồi ra đường Trần Nhân T, K. T đi xe ôm đến khu vực bãi đỗ xe miễn phí gần Bệnh viện Việt T gặp người thanh niên tên là B (không biết lai lịch địa chỉ), đưa cho B 02 điện thoại và nhờ B bán hộ, B đồng ý. Trong thời gian đợi B, T vào nhà vệ sinh công cộng ở gần đó tắm và bỏ lại nhà tắm 01 chiếc quần đùi màu đen, trong túi quần có 01 ốp lưng điện thoại cao su màu đen hình con bò, có số 100 ở 3 góc (là ốp lưng điện thoại Iphone 7 plus màu đen).

Sau khi bị chiếm đoạt điện thoại, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Phương L đã đến Công an quận K trình báo.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Xuân T đến Công an quận K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào lời khai của Trần Xuân T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã thu giữ được tại hiện trường 01 gậy gỗ là đoạn cành cây dài 66cm, đường kính khoảng 02cm là một trong 02 cành cây T sử dụng để đe dọa, chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị Phương L; thu giữ tại nhà vệ sinh công cộng trong bãi đỗ xe miễn phí gần công Bệnh viện Việt T 01 chiếc quần đùi màu đen, trong túi quần có 01 ốp lưng điện thoại cao su màu đen hình nền con bò, có số 100 ở 3 góc.

Ngày 11/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã yêu cầu định giá tài sản qua hồ sơ đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu xám và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu đen. Tại Công văn số 15/HĐĐG ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K đã kết luận không đủ căn cứ để định giá đối với 02 chiếc điện thoại nêu trên. Đối với chiếc ốp lưng điện thoại, tại Biên bản làm việc ngày 05 tháng 10 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K cung cấp: Chiếc ốp điện thoại bằng cao su hình nền con bò, có số 100 ở 03 góc không có giá trị.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 18 tháng 6 năm 2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã khởi tố vụ án, ngày 23/6/2021 khởi

tố bị can đối với Trần Xuân T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra, Trần Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKSKA của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố Trần Xuân Toàn về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Xuân T về tội Cướp tài sản và đề nghị: Về hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 08 đến 09 năm tù. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án. Về án phí: Buộc Trần Xuân T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Xuân T nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, không có ý kiến tranh luận gì khác, bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên thu thập, do người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác thu thập, cung cấp đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại do đó các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo Trần Xuân T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trần Xuân T có hành vi dùng vũ lực, sử dụng 02 gậy gỗ làm bằng cành cây có chiều dài khoảng 66cm, đường kính khoảng 02cm chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Q 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Phương L 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen. Hành vi của bị cáo đã vi phạm Điều 168 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Cướp tài sản”. Như vậy

Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Ph đã truy tố bị cáo Trần Xuân T ra trước Toà án nhân dân quận K để xét xử về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội. Nó trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và quyền về nhân thân của bị hại. Vì vậy, pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt: Trần Xuân T có hành vi sử dụng 02 gậy gỗ được làm từ cành cây dài khoảng 66cm, đường kính 02cm để đe dọa, chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Với việc sử dụng gậy gỗ để chiếm đoạt tài sản, đây là phương tiện nguy hiểm, do vậy bị cáo Trần Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Xuân T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trần Xuân T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; tại phiên tòa bị cáo công khai gửi lời xin lỗi đến các bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bị cáo Trần Xuân T được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt: Trần Xuân T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ; có 02 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do vậy việc áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo về tội “Cướp tài sản” và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[9] Bị cáo Trần Xuân T trước khi phạm tội là lao động tự do, không có thu nhập ổn định do vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 cành cây dài 66cm, đường kính 02cm, 01 quần đùi màu đen; 01 ốp lưng điện thoại cao su màu đen hình nền con bò có số 100 ở 3 góc. Những vật chứng nêu trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với đối tượng tên là B là người Trần Xuân T khai nhận đã đưa 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám, 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen nhờ Bình bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã thông báo truy tìm

người và tang vật nhưng đến nay vẫn chưa xác định được căn cước, lai lịch của B, chưa tìm được 02 chiếc điện thoại nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã tách ra, tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần Xuân T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Xuân T 08 (tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 16 tháng 6 năm 2021. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cành cây dài 66cm, đường kính 02cm, 01 quần đùi màu đen; 01 ốp lưng điện thoại cao su màu đen hình nền con bò có số 100 ở 3 góc theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Trần Xuân T phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại;
- VKSND quận K;
- VKSND thành phố ;
- CQCSĐT-Công an quận K;
- CQTHAHS-Công an quận K;
- PV06; PC10 Công an TP. H;
- Chi cục THADS quận K;
- Sở Tư pháp H;
- Trại tạm giam;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông

